TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2023/HS-ST
Ngày 19/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức;

2. Bà Nguyễn Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tam - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 156/2023/HSST ngày 25 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo: **Nguyễn Xuân H**, sinh ngày 05/6/1998; nơi cư trú: Thôn M, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Xuân H và bà Phạm Thị T; vợ, con: Chưa có; Tiền án: 02 tiền án: Bản án số 153/2019/HSST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", án phí hình sự 200.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/02/2021, chấp hành xong án phí ngày 28/11/2019; Bản án số 54/2021/HSST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", án phí hình sự 200.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/9/2022, chấp hành xong án phí ngày 11/3/2022; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 105/2015/HSST ngày 13/7/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 05 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", án phí hình sự 200.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/9/2015, chấp hành xong án phí ngày

31/8/2015; Bản án số 202/2016/HSST ngày 16/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", án phí hình sự 200.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/9/2017, chấp hành xong án phí ngày 24/3/2017. Hai bản án trên, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đều chưa đủ 18 tuổi, phạm tội ít nghiêm trọng nên được coi là không có án tích; Bản án số 71/2023/HSST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Hiện bị cáo đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giam số 51 ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Bị tạm giữ từ ngày 23/4/2023.

* *Bị hại:* Anh Phạm Văn B, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn H, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Văn C, sinh năm 1993; Thôn H, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

* *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn M, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn M, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn H, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, vắng mặt những người tham gia tố tụng khác).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 16/4/2023 H đi bộ ra khu vực cổng chùa K, thôn H thì phát hiện thấy chiếc xe môtô nhãn hiệu HONDA SUPER DREAM, màu nâu, biển số đăng ký 17K8 – 0226 của anh Phạm Văn B để trước cổng chùa không khóa cổ, khóa càng nên nảy sinh ý định trộm cắp. H về nhà anh Lê Văn C mượn 01 chiếc kéo bằng kim loại màu đen, dài khoảng 15 cm rồi quay lại khu vực để chiếc xe môtô trên. H quan sát xung quanh không có ai nên đã dùng tay phải cầm kéo chọc phần mũi kéo vào ổ khóa xe rồi dùng lực cánh tay xoay kéo theo hướng từ trái sang phải để phá ổ khóa và mở được khóa điện của xe. H liền khởi động xe và để tránh bị phát hiện thì đã điều khiển xe môtô đến khu vực cánh đồng thuộc xã A, huyện V, tỉnh Thái Bình rồi dừng lại, dùng tay tháo biển số xe 17K8 - 0226 vất chiếc biển số xe và chiếc kéo trên đường. Trên đường đi về, H nghe được người dân nói chuyện và biết được chiếc xe này là của anh Phạm Văn

B nên đến khoảng 20 giờ cùng ngày, H điều khiển xe môtô trộm cắp được về nhà ở thôn M, xã V cất giấu, không nói cho ai biết rồi bỏ trốn.

Sau khi xe môtô bị trộm cắp, anh Phạm Văn B đi tìm và qua xem lại dữ liệu camera an ninh nhà anh Nguyễn Xuân Q, anh B nghi ngờ H là người trộm cắp xe của mình nên đến nhà H để đòi lại. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, anh B đến tìm nhưng H không ở nhà. Anh B gặp, trao đổi lại sự việc với anh Nguyễn Xuân H1 là anh trai H. Anh H phát hiện thấy chiếc xe môtô không có biển số để trong nhà có đặc điểm giống chiếc xe môtô của anh B bị mất, anh H đã giao lại chiếc xe cho anh B. Ngày 22/5/2023, anh B đã lên trình báo và giao nộp chiếc xe môtô cho cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thái Bình.

Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 02/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận "*Trị giá tài sản định giá tại thời điểm ngày 16/4/2023 là 8.500.000 đồng*.

Bản cáo trạng số 162/CT-VKSTPTB ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị: Xử phạt bị cáo từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù. Tổng hợp với hình phạt của Bản án số 71/2023/HSST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 03 năm tù. Bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai Bản án từ 05 năm 09 tháng đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được

thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và được chứng minh bằng: Đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại, Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường và Bản ảnh xác định hiện trường, Kết luận giám định số 801/KL-KTHS ngày 05/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công tỉnh Thái Bình, Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 02/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Biên bản ghi lời khai người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 16/4/2023 tại khu vực trước cổng chùa K thuộc thôn H, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Xuân H đã lợi dụng sơ hở, trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu HONDA SUPER DREAM, màu nâu, biển số đăng ký: 17K8 - 0226 của anh Phạm Văn B. Tài sản trộm cắp trị giá 8.500.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...g) Tái phạm nguy hiểm.

...

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, bị cáo đã nhiều lần phạm tội bị Tòa án đưa ra xét xử vì vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm minh mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo bị truy tố theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự (tình tiết định khung). Bị cáo không có tiền sự, về

nhân thân bị cáo đã bị Tòa án đưa ra xét xử 03 lần. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, các tình tiết này được giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị Tòa án đưa ra xét xử nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân trở thành người tốt mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo. Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù là có phần nghiêm khắc đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Chiếc biển số xe 17K8 - 0226 và chiếc kéo Nguyễn Xuân H đã vất ở ven đường nhưng không nhớ rõ địa điểm nào nên cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thái Bình không thu hồi được.

[6.2] Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA SUPER DREAM không đeo biển số là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Phạm Văn B, ngày 15/6/2023 cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả lại chiếc xe cho anh B.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, anh Phạm Văn B đã nhận lại xe môtô và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại liên quan đến chiếc xe và biển số xe bị mất nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về vấn đề khác: Đối với Anh LÊ Văn C không biết H mượn kéo để trộm cắp xe; anh Nguyễn Xuân H1 không biết chiếc xe mô tô H để trong nhà là tài sản H trộm cắp nên cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thái Bình không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp với hình phạt với Bản án số 71/2023/HSST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù. Bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai Bản án 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/4/2023.

3. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/9/2023). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án ND tỉnh TB;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Chu Thị Tuyết